TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 01 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Thanh Trí
2. Bà Nguyễn Ngọc Tải

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Phát Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2017/TL.ST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp TH, xã TX, huyện CTA, tỉnh H.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Tố N (có mặt).
Địa chỉ: Ấp TH, xã TX, huyện CTA, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Ngô Văn T vắng mặt trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 28/12/2017: Ông và bà Trương Thị Tố N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông và bà T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do đời sống khó khăn, ông và bà N bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Ông và bà N không còn sống chung khoảng 10 năm nay. Ông T xác định không thể tiếp tục chung sống được với bà N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Ngô Thị Diễm K (nữ), sinh năm 1994 và Ngô Văn H (nam), sinh năm 1999, do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trương Thị Tố N trình bày: Bà thống nhất với phần trình bảy của ông T, về thời gian chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung, về nợ chung và tài sản chung. Bà N đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Văn T và bà Trương Thị Tố N là vợ chồng; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Ngô Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Tố N nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau khoảng 10 năm và đến thời điểm ly hôn bà N, ông T chưa đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 131 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Ngô Văn T và bà Trương Thị Tố N là vợ chồng.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Ngô Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 56, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Văn T và bà Trương Thị Tố N là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0014498 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (ông T đã nộp xong).

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Thạnh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu